

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/KDTM-ST

Ngày: 12-7-2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thảo
2. Ông Huỳnh Sơn Tây

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 29/2023/TLST-KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên Thực Nghiệp Ngạo T; địa chỉ: Thửa đất số 1254, tờ bản đồ số 24, khu phố V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 5, khu phố 7, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần T; địa chỉ: Lô A5 đường số 1, Cụm công nghiệp U, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Viết T trình bày:*

Trên cơ sở mối quan hệ quen biết nên trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 06/2022, giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thực nghiệp N (sau đây gọi tắt là Công ty N) và Công ty Cổ phần T (sau đây gọi tắt là Công ty T) có thoả thuận việc mua bán hàng hoá, việc thoả thuận không được lập thành văn bản. Theo đó, Công ty N là bên bán cho bên mua hàng là Công ty T, hàng hoá là nguyên liệu, phụ kiện sản xuất bàn, ghế sofa. Thực hiện theo thoả thuận, trong thời gian từ tháng 4/2022 đến tháng 6/2022, Công ty N đã giao hàng vào các tháng 4, 5, 6/2022 theo yêu cầu đặt hàng của Công ty T. Mỗi lần giao hàng đều có phiếu giao hàng và có ký xác nhận của nhân viên giao và nhận hàng của mỗi công ty. Sau khi giao hàng, Công ty N đã gửi bản đối chiếu công nợ cho Công ty T tiến hành đối chiếu, sau khi thống nhất bản đối chiếu công nợ, Công ty T ký xác nhận và gửi lại bản đối chiếu công nợ cho Công ty N. Sau khi nhận lại bản đối chiếu công nợ đã có sự xác nhận của bên mua hàng, Công ty N tiến hành xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho bên mua, tổng cộng công ty N đã xuất 03 hoá đơn giá trị gia tăng, bao gồm: Hoá đơn giá trị gia tăng số 01 ngày 28/4/2022 với số tiền 858.016.500 đồng; Hoá đơn giá trị gia tăng số 16 ngày 27/5/2022 với số tiền 560.560.000 đồng và Hoá đơn giá trị gia tăng số 27 ngày 27/6/2022 với số tiền 92.950.000 đồng. Tổng số tiền của 03 hoá đơn là 1.511.526.000 đồng. Theo thoả thuận về việc thanh toán, sau khi đối chiếu công nợ và bên bán xuất hoá đơn thì trong thời hạn 45 ngày Công ty Thomas Carey phải thanh toán công nợ cho Công ty N nhưng Công ty T không thực hiện theo thoả thuận. Đến ngày 15/9/2022, Công ty T đã thanh toán số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó, đến tháng 10/2022 hai bên thống nhất bên Công ty N sẽ nhận lại một số hàng đã giao để căn trừ vào số tiền Công ty T còn nợ, sau khi căn trừ xong hàng số nợ còn bao nhiêu Công ty T sẽ thanh toán trước ngày 01/01/2023. Vào ngày 26/10 và ngày 30/11 năm 2022, Công ty N đã nhận lại hàng, tương ứng số tiền 592.079.400 đồng được thể hiện thông qua 02 hoá đơn giá trị gia tăng do Công ty T xuất cho Công ty N là hoá đơn số 236 ngày 26/10/2022 với số tiền 1.012.000 đồng và hoá đơn số 270 ngày 30/11/2022 với số tiền 591.067.400 đồng. Ngày 07/12/2022, Công ty T thanh toán thêm được số tiền 150.000.000 đồng, sau đó không thanh toán tiếp. Tính đến thời điểm Công ty N khởi kiện Công ty T đã thanh toán được tổng số tiền 942.079.400 đồng, số tiền còn nợ là 569.447.100 đồng.

Công ty N đã nhiều lần liên hệ Công ty T để yêu cầu trả tiền hàng còn thiếu nhưng Công ty T không thực hiện. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán tiền nợ còn lại là 569.447.100 đồng và tiền lãi do chậm trả tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày Toà án xét xử là 6 tháng 12 ngày, với mức lãi suất là 1.2%/tháng tương ứng số tiền 43.733.537 đồng. Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 613.180.637 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

- *Đối với bị đơn Công ty Cổ phần T:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để yêu cầu bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Ngày 06/6/2023, Tòa án triệu tập bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Theo quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án, bị đơn Công ty Cổ phần Tcó địa chỉ trụ sở tại Lô A5 đường số 1, Cụm công nghiệp U, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đến thời điểm Tòa án tiến hành xác minh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý đang hoạt động. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết đề triệu tập bị đơn làm việc nhưng bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 26/6/2023 và 12/7/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.1] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Xét lời trình bày của nguyên đơn xác định, vào tháng 3/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn thoả thuận về việc mua bán hàng hoá, loại mặt hàng là nguyên liệu, phụ kiện sản xuất bàn, ghế sofa. Hai bên thoả thuận số lượng và chủng loại hàng sẽ tùy thuộc vào từng đợt đặt hàng. Về phương thức giao hàng, sau khi nhận được yêu cầu đặt hàng, nguyên đơn cho nhân viên vận chuyển hàng giao cho bị đơn, việc chuyển giao hàng được nhân viên công ty của hai bên ký xác nhận trong phiếu giao hàng. Nguyên đơn đã giao hàng vào các tháng 4, 5, 6 năm 2022 cho bị đơn, sau mỗi đợt giao hàng hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ, có xác nhận của bị đơn, đồng thời nguyên đơn cũng xuất hoá đơn giá trị gia tăng tương ứng cho 03 đợt giao hàng nêu trên với tổng số tiền là 1.511.526.000 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được số tiền 942.079.400 đồng, trong đó

có 350.000.000 đồng trả bằng hình thức chuyển khoản và 592.079.400 đồng trả bằng hình thức bị đơn trả lại hàng đã nhận từ nguyên đơn để khấu trừ bớt một phần nợ, số tiền bị đơn còn nợ lại là 569.447.100 đồng.

Xét lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ, bởi lẽ giữa nguyên đơn và bị đơn thoả thuận việc mua bán hàng hoá mặc dù hai bên không lập hợp đồng nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2022, nguyên đơn đã giao cho bị đơn 03 đợt hàng, được thể hiện thông qua chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là phiếu giao hàng, 03 bảng đối chiếu công nợ có xác nhận của bị đơn, các hoá đơn giá trị gia tăng của nguyên đơn, hoá đơn giá trị gia tăng đối với phần trả lại một số hàng để cản trừ nợ của bị đơn, bảng sao kê chuyển khoản của ngân hàng do bị đơn chuyển để thanh toán tiền mua hàng cho nguyên đơn. Phía bị đơn đã nhận hàng nhưng không có ý kiến phản đối về chất lượng, số lượng của hàng hoá đã giao, đã ký xác nhận nội dung của bảng đối chiếu công nợ và chuyển tiền thanh toán tiền mua hàng. Điều này chứng tỏ giao dịch mua bán hàng hoá giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật. Tổng số tiền của 03 đợt giao hàng là 1.511.526.000 đồng, bị đơn đã thanh toán được số tiền 942.079.400 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005 nên việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Xét có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc là 569.447.100 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán nợ gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1.2%/tháng. Xét thấy, tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Mức lãi suất như nguyên đơn yêu cầu là phù hợp quy định. Thời gian chậm thanh toán yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2023 (ngày hai bên thoả thuận trả hết số tiền còn lại sau khi cản trừ hàng hoá) cho đến ngày Toà án xét xử là ngày 12/7/2023 tương ứng với thời gian là 06 tháng 12 ngày, với số tiền 43.733.537 đồng. Như đã phân tích ở phần trên, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở chấp nhận. Do đó, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 43.733.537 đồng.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV T, buộc Công ty Cổ phần T phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Thực nghiệp N tổng số tiền là 613.180.637 đồng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên Thực nghiệp N đối với bị đơn Công ty Cổ phần T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty Cổ phần T thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên Thực nghiệp N tổng số tiền 613.180.637 đồng (Sáu trăm mười ba triệu, một trăm tám mươi nghìn, sáu trăm ba mươi bảy đồng), bao gồm nợ gốc là 569.447.100 đồng (Năm trăm sáu mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm đồng), tiền lãi chậm thanh toán là 43.733.537 đồng (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm ba mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần T phải chịu 28.527.225 đồng (Hai mươi tám triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV T số tiền 14.072.279 đồng (Mười bốn triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007467 ngày 17/3/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quyết